

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ACE LIFE

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ACE LIFE

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Điều hành	2
Báo cáo kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01a – CTQ)	4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02a – CTQ)	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03a – CTQ)	7
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu (Mẫu số B05 - CTQ)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09a – CTQ)	9

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ACE LIFE

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy phép hoạt động

Số 52/GP-UBCK ngày 24 tháng 10 năm 2013
Số 13/GPĐC-UBCK ngày 17 tháng 6 năm 2014
do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Ban Điều hành

Ông Lâm Hải Tuấn	Chủ tịch Công ty
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Phó Chủ tịch Công ty
Bà Lê Thị Hồng Thái	Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Lâm Hải Tuấn	Chủ tịch Công ty
------------------	------------------

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty TNHH một thành viên quản lý quỹ ACE Life là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

Trụ sở chính

Lô K, Tầng 8, Tòa nhà Sun Wah Tower,
115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh,
Việt Nam

Kiểm toán viên

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ACE LIFE

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành của Công ty TNHH một thành viên quản lý quỹ ACE Life (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

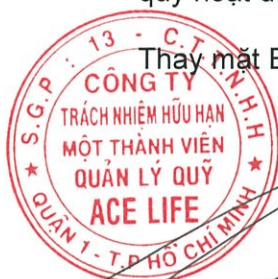
- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập các báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở cho việc lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 đến Thuyết minh 4 của các báo cáo tài chính. Ban Điều hành của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, Ban Điều hành của Công ty phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 4 đến trang 23. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho công ty quản lý quỹ hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Điều hành



Lâm Hải Tuấn
Chủ tịch Công ty

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI BAN ĐIỀU HÀNH CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ACE LIFE

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH một thành viên quản lý quỹ ACE Life ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2015 và được Ban Điều hành phê duyệt ngày 25 tháng 3 năm 2016. Các báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 4 đến trang 23.

Trách nhiệm của Ban Điều hành đối với các báo cáo tài chính

Ban Điều hành của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý các báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh các trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong các báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho công ty quản lý quỹ hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam



Nguyễn Hoàng Nam
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0849-2013-006-1
Chữ ký được ủy quyền
Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM5191
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2016



Lại Hùng Phương
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2432-2013-006-1

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 cho các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và cách thực hành kế toán Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2015 VNĐ	2014 VNĐ
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		25.624.770.446	22.782.228.443
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	5.1	2.927.886.359	2.070.521.548
111	Tiền		1.927.886.359	2.070.521.548
112	Các khoản tương đương tiền		1.000.000.000	-
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		22.000.000.000	20.000.000.000
128	Các khoản đầu tư ngắn hạn khác	5.2	22.000.000.000	20.000.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		669.585.004	711.706.895
134	Phải thu hoạt động nghiệp vụ		-	339.763.837
135	Các khoản phải thu khác	5.3	669.585.004	371.943.058
150	Tài sản ngắn hạn khác		27.299.083	-
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		27.299.083	-
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		1.185.506.364	1.821.326.667
210	Các khoản phải thu dài hạn		144.912.000	144.912.000
216	Phải thu dài hạn khác		144.912.000	144.912.000
220	Tài sản cố định		797.699.711	1.156.351.362
221	Tài sản cố định hữu hình	5.4(a)	555.930.911	845.505.762
222	Nguyên giá		1.036.154.349	968.805.749
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(480.223.438)	(123.299.987)
227	Tài sản cố định vô hình	5.4(b)	241.768.800	310.845.600
228	Nguyên giá		345.384.000	345.384.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(103.615.200)	(34.538.400)
240	Tài sản dở dang dài hạn		-	20.732.580
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	20.732.580
260	Tài sản dài hạn khác		242.894.653	499.330.725
261	Chi phí trả trước dài hạn		150.536.653	270.091.048
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5.10	92.358.000	229.239.677
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		26.810.276.810	24.603.555.110

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 23 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2015 VNĐ	2014 VNĐ
300	NỢ PHẢI TRẢ		707.090.168	520.513.816
310	Nợ ngắn hạn		707.090.168	520.513.816
312	Phải trả người bán ngắn hạn		-	22.618.444
314	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước		143.901.168	24.968.727
315	Phải trả người lao động		90.840.000	53.481.000
316	Chi phí phải trả	5.5	461.790.000	418.878.500
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		10.559.000	567.145
400	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		26.103.186.642	24.083.041.294
410	Nguồn vốn chủ sở hữu		26.103.186.642	24.083.041.294
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		26.000.000.000	25.000.000.000
418	Quỹ dự phòng tài chính		5.159.332	-
419	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		5.159.332	-
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế)		92.867.978	(916.958.706)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		26.810.276.810	24.603.555.110



Đỗ Thị Thu Nguyệt
Người lập/Kế toán trưởng



Lê Thị Hồng Thái
Giám đốc



Lâm Hải Tuấn
Chủ tịch Công ty
Ngày 25 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 23 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính	Giai đoạn	
		kết thúc ngày 31.12.2015 VNĐ	từ 24.10.2013 đến 31.12.2014 VNĐ	
01	Doanh thu	5.6	4.954.088.738	1.877.943.589
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		4.954.088.738	1.877.943.589
11	Chi phí hoạt động kinh doanh	5.7	(1.578.572.556)	(1.140.336.285)
20	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		3.375.516.182	737.607.304
21	Doanh thu hoạt động tài chính	5.8	1.324.681.810	1.085.761.797
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.9	(3.422.523.474)	(2.969.567.484)
30	Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		1.277.674.518	(1.146.198.383)
40	Lợi nhuận khác		-	-
50	Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế		1.277.674.518	(1.146.198.383)
51	Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.10	(120.647.493)	-
52	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	5.10	(136.881.677)	229.239.677
60	Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1.020.145.348	(916.958.706)



Đỗ Thị Thu Nguyệt
Người lập/Kế toán trưởng



Lê Thị Hồng Thái
Giám đốc




Lâm Hải Tuấn
Chủ tịch Công ty
Ngày 25 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 23 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2015 VNĐ	Giai đoạn từ 24.10.2013 đến 31.12.2014 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lãi/(lỗ) trước thuế	1.277.674.518	(1.146.198.383)
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	426.000.251	157.838.387
05	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	(1.324.681.810)	(1.085.761.797)
08	Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	378.992.959	(2.074.121.793)
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	343.746.890	(344.151.337)
11	Tăng các khoản phải trả	65.928.859	520.513.816
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước	92.255.312	(270.091.048)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	-	(144.912.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	880.924.020	(2.312.762.362)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	(46.616.020)	(1.334.922.329)
25	Tiền chi để đầu tư vào các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	(2.000.000.000)	(20.000.000.000)
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi	1.023.056.811	718.206.239
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(1.023.559.209)	(20.616.716.090)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Nhận vốn góp của chủ sở hữu	1.000.000.000	25.000.000.000
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	1.000.000.000	25.000.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm/giai đoạn	857.364.811	2.070.521.548
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm/giai đoạn	2.070.521.548	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm/giai đoạn	5.1 2.927.886.359	2.070.521.548



Đỗ Thị Thu Nguyệt
Người lập/Kế toán trưởng



Lê Thị Hồng Thái
Giám đốc



Lâm Hải Tuấn
Chủ tịch Công ty
Ngày 25 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 23 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ACE LIFE

Mẫu số B05a – CTQ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế) VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 23 tháng 10 năm 2013 (ngày thành lập Công ty)					
Vốn tăng trong kỳ	25.000.000.000	-	-	-	25.000.000.000
Lỗ trong kỳ	-	-	-	(916.958.706)	(916.958.706)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	25.000.000.000	-	-	(916.958.706)	24.083.041.294
Vốn tăng trong năm	1.000.000.000	-	-	-	1.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	1.020.145.348	1.020.145.348
Trích lập các quỹ (Thuyết minh 4.11)	-	5.159.332	5.159.332	(10.318.664)	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	26.000.000.000	5.159.332	5.159.332	92.867.978	26.103.186.642



Đỗ Thị Thu Nguyệt
Người lập/Kế toán trưởng



Lê Thị Hồng Thái
Giám đốc




Lâm Hải Tuấn
Chủ tịch Công ty
Ngày 25 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 23 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty TNHH một thành viên quản lý quỹ ACE Life (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 52/GP-UBCK ngày 24 tháng 10 năm 2013 và Giấy phép thành lập và hoạt động điều chỉnh lần thứ nhất số 13/GPĐC-UBCK ngày 17 tháng 6 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính của Công ty là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 10 nhân viên (31 tháng 12 năm 2014: 11 nhân viên).

2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đơn vị đồng Việt Nam (“VND”).

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại Việt Nam. Các báo cáo tài chính được lập dựa theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính và kết quả hoạt động và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.2 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

3.3 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng

Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) - Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 (“Quyết định 15”) và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009. Thông tư 200 được áp dụng kể từ năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty đã áp dụng phi hồi tố các thay đổi của Thông tư 200 theo Điều 127 của Thông tư 200. Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán được áp dụng phi hồi tố:

- Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và đánh giá lại tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ - Thuyết minh 2.2

Theo Quyết định 15, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán.

Theo Thông tư 200 các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các khoản đầu tư

Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn là những khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn ít hơn mười hai tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư ngắn hạn được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.3 Các khoản phải thu khách hàng và phải thu hoạt động nghiệp vụ

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu hoạt động nghiệp vụ được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban điều hành đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

4.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và chủ yếu là tiền thuê văn phòng trả trước và công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng.

4.5 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính hoặc theo thời hạn của giấy phép thành lập và hoạt động nếu ngắn hạn. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nâng cấp văn phòng	5 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm
Phần mềm vi tính	3 năm

Thanh lý

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.7 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi có sự chắc chắn Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế và doanh thu có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

(a) Doanh thu hoạt động nghiệp vụ và cung cấp dịch vụ khác

Phí quản lý và phí thường hoạt động được ghi nhận khi được hưởng theo Điều lệ Quỹ.

Công ty hiện đang quản lý Quỹ Liên Kết Chung, Quỹ Chủ Sở Hữu, Quỹ Chủ hợp đồng có tham gia chia lãi và Quỹ Chủ hợp đồng không tham gia chia lãi của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam (tên trước đây là Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ ACE) (“Quỹ”). Công ty được hưởng phí quản lý quỹ từ Quỹ này. Phí này được tính hàng tháng.

(b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp dự thu lãi trừ khi khả năng thu hồi là không chắc chắn.

4.8 Chi phí

Chi phí được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở trích trước. Các chi phí phát sinh khi mua các khoản đầu tư được cộng vào giá vốn của các khoản đầu tư đó.

4.9 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.9 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của Bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

4.10 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt như giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4.11 Trích lập các quỹ

Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước. Theo Thông tư 146/2014/TT-BTC ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014, hàng năm Công ty phải trích lập cho mỗi quỹ ở mức 5% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty cho đến khi mỗi quỹ này đạt 10% vốn điều lệ của Công ty. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được ghi nhận vào Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

4.12 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ không được thể hiện trên các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

5.1 TIỀN

	Tại ngày 31.12.2015 VNĐ	Tại ngày 31.12.2014 VNĐ
Tiền mặt tại quỹ	3.000.000	3.000.000
Tiền gửi ngân hàng	1.924.886.359	2.067.521.548
Các khoản tương đương tiền (*)	1.000.000.000	-
	<u>2.927.886.359</u>	<u>2.070.521.548</u>

(*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi tại ngân hàng có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

5.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN KHÁC

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn trong vòng 12 tháng tại các ngân hàng thương mại.

5.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Tại ngày 31.12.2015 VNĐ	Tại ngày 31.12.2014 VNĐ
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	669.180.557	367.555.558
Phải thu khác	404.447	-
	<u>669.585.004</u>	<u>367.555.558</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.4 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Thiết bị văn phòng VNĐ	Nâng cấp văn phòng VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	467.902.325	500.903.424	968.805.749
Mua trong năm	-	46.616.020	46.616.020
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	20.732.580	20.732.580
	<u>467.902.325</u>	<u>568.252.024</u>	<u>1.036.154.349</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>467.902.325</u>	<u>568.252.024</u>	<u>1.036.154.349</u>
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	(49.080.642)	(74.219.345)	(123.299.987)
Khấu hao trong năm	(155.967.440)	(200.956.011)	(356.923.451)
	<u>(205.048.082)</u>	<u>(275.175.356)</u>	<u>(480.223.438)</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>(205.048.082)</u>	<u>(275.175.356)</u>	<u>(480.223.438)</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	418.821.683	426.684.079	845.505.762
	<u>418.821.683</u>	<u>426.684.079</u>	<u>845.505.762</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>262.854.243</u>	<u>293.076.668</u>	<u>555.930.911</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.4 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm VNĐ
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2015	345.384.000
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	(34.538.400)
Khấu hao trong năm	(69.076.800)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	(103.615.200)
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	310.845.600
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	241.768.800

5.5 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại ngày 31.12.2015 VNĐ	Tại ngày 31.12.2014 VNĐ
Trích trước chi phí tiền lương	306.265.000	268.878.500
Khác	155.525.000	150.000.000
	<u>461.790.000</u>	<u>418.878.500</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.6 DOANH THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2015 VNĐ	Giai đoạn từ 24.10.2013 đến 31.12.2014 VNĐ
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư (Thuyết minh 7(a))	4.954.088.738	1.877.943.589

5.7 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Toàn bộ chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ là các chi phí phát sinh cho hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2015 VNĐ	Giai đoạn từ 24.10.2013 đến 31.12.2014 VNĐ
Chi phí nhân viên	982.841.636	651.417.726
Chi phí thuê văn phòng	487.843.321	348.809.086
Chi phí khấu hao tài sản cố định	65.118.399	87.687.993
Các chi phí khác	42.769.200	52.421.480
	<u>1.578.572.556</u>	<u>1.140.336.285</u>

5.8 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Toàn bộ doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ là lãi tiền gửi nhận được.

5.9 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2015 VNĐ	Giai đoạn từ 24.10.2013 đến 31.12.2014 VNĐ
Chi phí nhân viên	2.053.594.815	2.318.720.546
Chi phí thuê và bảo hiểm văn phòng	594.954.120	279.047.268
Chi phí khấu hao tài sản cố định	356.923.451	70.150.394
Chi phí khác	417.051.088	301.649.276
	<u>3.422.523.474</u>	<u>2.969.567.484</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.10 THUẾ

(a) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Số thuế trên lợi nhuận/(lỗ) trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng 20% như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2015 VNĐ	Giai đoạn từ 24.10.2013 đến 31.12.2014 VNĐ
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	1.277.674.518	(1.146.198.383)
Thuế tính ở thuế suất áp dụng 20%	255.534.904	(229.239.677)
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	1.994.266	-
Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>257.529.170</u>	<u>(229.239.677)</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	120.647.493	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hoãn lại	136.881.677	(229.239.677)
Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>257.529.170</u>	<u>(229.239.677)</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

(b) Tài sản thuế TNDN hoãn lại

	Tại ngày 31.12.2015 VNĐ	Tại ngày 31.12.2014 VNĐ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	<u>92.358.000</u>	<u>229.239.677</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.10 THUẾ (tiếp theo)

(b) Tài sản thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)

Biến động của tài sản thuế thu nhập hoãn lại như sau:

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	229.239.677	-
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	(136.881.677)	229.239.677
	<u>92.358.000</u>	<u>229.239.677</u>
Tại ngày 31 tháng 12	<u>92.358.000</u>	<u>229.239.677</u>

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các chênh lệch tạm thời được khấu trừ từ các chi phí phải trả.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận tới chừng mực có khả năng thực hiện được các lợi ích về thuế đối với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.

6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có nguy cơ gặp các rủi ro từ các công cụ tài chính như sau:

- Rủi ro thị trường;
- Rủi ro tín dụng; và
- Rủi ro thanh khoản

Ban Điều hành của Công ty có trách nhiệm đặt ra mục tiêu và những quy tắc cơ bản về quản trị rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Điều hành xác lập những chính sách chi tiết ví dụ như xác định rủi ro và đo lường rủi ro, giới hạn đầu tư và chiến lược đầu tư. Quản trị rủi ro tài chính được thực hiện bởi nhân sự tài chính.

Nhân sự tài chính đo lường thực tế đầu tư với giới hạn đầu tư đã được đặt ra và chuẩn bị báo cáo định kỳ cho Ban Điều hành xem xét. Những thông tin sau đây được dựa trên những thông tin từ Ban Điều hành.

(a) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà lợi nhuận của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính do Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng do những thay đổi của giá trị thị trường như thay đổi về lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(i) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Công ty bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Công ty là có gốc tiền tệ là tiền Đồng cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

(ii) Rủi ro giá

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Trong năm, Công ty không chịu rủi ro về giá do Công ty không phát sinh các khoản giao dịch chứng khoán nào. Công ty cũng không chịu rủi ro trọng yếu về giá của hàng hóa.

(iii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty không phải chịu rủi ro về lãi suất vì Công ty không có bất cứ khoản vay nào.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

Tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Công ty cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc các tổ chức tín dụng này hoạt động không hiệu quả.

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu hoạt động nghiệp vụ. Công ty tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng cho các khoản nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty có thể gặp phải bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có khoản nợ tài chính bao gồm các khoản ngắn hạn với số tiền là 707.090.168 đồng Việt Nam (31.12.2014: 520.513.816 đồng Việt Nam) là dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu có thời hạn ít hơn 1 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

7 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam (tên trước đây là Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ ACE), một công ty được thành lập tại Việt Nam, sở hữu 100% vốn của Công ty.

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong năm/giai đoạn, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2015 VNĐ	Giai đoạn từ 24.10.2013 đến 31.12.2014 VNĐ
<i>i) Doanh thu dịch vụ (Thuyết minh 5.6)</i>		
Công ty mẹ - Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam	4.954.088.738	1.877.943.589
<i>ii) Hoạt động tài chính</i>		
Vốn góp từ công ty mẹ - Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam	1.000.000.000	25.000.000.000
<i>iii) Giao dịch khác</i>		
Chi phí trả thay cho Công ty Công ty mẹ - TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam	15.419.435	204.667.816
Chi phí Công ty trả thay Công ty mẹ - Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam	-	22.734.000
<i>iv) Các khoản chi cho Ban Điều hành</i>		
Lương và các quyền lợi khác	782.603.364	1.242.150.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

7 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	31.12.2015	31.12.2014
	VNĐ	VNĐ
Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ		
Công ty mẹ - Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam	-	339.763.837
	<u> </u>	<u> </u>
Các khoản phải trả khác		
Công ty mẹ - Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam	1.249.000	567.145
	<u> </u>	<u> </u>

8 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	31.12.2015	31.12.2014
	VNĐ	VNĐ
Dưới 1 năm	809.472.000	829.522.364
Từ 1 đến 5 năm	134.912.000	944.384.000
	<u> </u>	<u> </u>
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>944.384.000</u>	<u>1.773.906.364</u>

9 CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Trong tháng 1 năm 2016, công ty mẹ cấp cao nhất của Công ty đã đổi tên từ ACE Limited thành Chubb Limited.

Vào ngày 9 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã phê duyệt cho Công ty mẹ của Công ty đổi tên từ Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ ACE thành Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam theo Giấy phép điều chỉnh số 33/GPĐC13/KDBH.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

10 SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh trong các báo cáo tài chính được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của kỳ hiện tại.

Báo cáo tài chính đã được Ban Điều hành của Công ty phê duyệt ngày 25 tháng 3 năm 2016.

Đỗ Thị Thu Nguyệt
Người lập/Kế toán trưởng

Lê Thị Hồng Thái
Giám đốc



Lâm Hải Tuấn
Chủ tịch Công ty